

Số: /QĐ-SNN

Bắc Giang, ngày tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch Duy tu, sửa chữa thường xuyên
các công trình thủy lợi, đê, kè, cống năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-SNN ngày 10/01/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Chi cục Thủy lợi tại Tờ trình số 5/TTr-CCTL ngày 07/02/2024 và của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch Duy tu, sửa chữa thường xuyên các công trình thủy lợi, đê, kè, cống năm 2024, với nội dung như sau:

- Chủ đầu tư: Chi cục Thủy lợi tỉnh Bắc Giang.
- Địa điểm xây dựng: Trên các tuyến đê cấp II, cấp III, cấp IV và kênh chính sông Cầu.
- Tổng kinh phí: **16.200 triệu đồng (Bằng chữ: Mười sáu tỷ, hai trăm triệu đồng).**
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn ngân sách tỉnh – nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế chi không thường xuyên đã giao đầu năm 2024 cho đơn vị.
- Thời gian thực hiện: Năm 2024.

(Có biểu kế hoạch đính kèm theo)

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị: Chi cục Thủy lợi, phòng Kế hoạch - Tài chính Sở và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Sở Nguyễn Văn Dĩnh;
- Phòng KHTC Sở;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thi

BIỂU KẾ HOẠCH DUY TU SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, ĐÊ, KÈ, CỒNG NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN ngày tháng 02 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang)

| TT | Hạng mục/Tuyến đê | Vị trí | Địa danh (thành phố/huyện) | Giải pháp kỹ thuật | Khối lượng chính | | | | Kinh phí (triệu đồng) |
|----------|---|---|----------------------------|--|--------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|-----------------|-----------------------|
| | | | | | Đất đào, đắp (m ³) | Đá hộc, gạch xây (m ³) | Bê tông các loại (m ³) | Sắt, thép (tấn) | |
| A | Duy tu sửa chữa thường xuyên công trình đê điều năm 2024: | | | | 11.700 | 7 | 2.225 | 17 | 11.800 |
| I | Sửa chữa mặt đê: | | | | 8.500 | - | 1.939 | - | 7.500 |
| 1 | Cổ Mân | K18+140-K18+466 | Yên Dũng | Hoàn thiện mặt cắt, gia cố mặt đê bằng bê tông | 3.500 | | 408 | | 2.200 |
| 2 | Tả Thương | K2+100-K3+325 | Lạng Giang | Hoàn thiện mặt cắt, gia cố mặt đê bằng bê tông | 5.000 | | 1.531 | | 5.000 |
| 3 | Các tuyến đê (tả Cầu, tả Thương, hữu Thương, hữu Lục Nam. Tả Cầu Ba Tổng, hữu Thương Ba Tổng) | -Tả Cầu (47 vị trí, chiều dài 8.520m) - Hữu Thương (24 vị trí, chiều dài 4.170m) - Tả Thương (7 vị trí, chiều dài 3.240m) -Hữu Lục Nam (02 vị trí, chiều dài 1.400m) - Tuyến đê Ba Tổng (04 vị trí, chiều dài 1.400m) | tỉnh Bắc Giang | Xử lý mặt đê bê tông bị nứt (làm vệ sinh theo yêu cầu, đổ nhựa đường vào các vị trí bê tông nứt . . .) | | | | | 300 |

| | | | | | | | | | |
|------------|--|-----------------------|------------------------------------|--|-----------------|-------------|---------------|-------------|--------------|
| II | Tu sửa cống: | | | | 1.700,00 | 7,00 | 166,00 | 1,65 | 530 |
| 1 | Hữu Thương Ba Tổng | Cống Cổ Dũng K3+500 | Yên Dũng | Bơm tát, nạo vét sơn cánh cống. Sửa chữa mái kênh dẫn nước phía sông bị sạt lở | 500 | 5 | 150 | | 150 |
| 2 | Hữu Thương Ba Tổng | Cống Khê Cầu K12+400 | Yên Dũng | Bơm tát, nạo vét thay cánh cống, tu sửa nhỏ | 1.200 | 2 | 15 | 1,50 | 300 |
| 3 | Tả Cầu Ba Tổng | Kè tràn Yên Lư K0+700 | Yên Dũng | Thay thế các goong đực bị han gỉ, đổ lại thành lan can bị gãy, hư hỏng | | | 1 | 0,15 | 80 |
| III | Tu sửa kè: | | | | 1.500 | - | 120 | 15 | 2.720 |
| 1 | Kè Yên Sơn | K14+800-K15+450 | Lục Nam | Đổ khung dầm bê tông cốt thép chia ô, lát cầu kiện bê tông đúc sẵn ngầm âm dương | 1.500 | | 120 | 15,0 | 2.720 |
| IV | Bổ sung, sửa chữa các công trình phục vụ quản lý, bảo vệ đê điều: | | | | 1.553 | | | | 1.050 |
| 1 | Tả Thương | | Lạng Giang, TP Bắc Giang, Yên Dũng | Bổ sung cột chỉ giới bảo vệ đê | 240 | cột | | | 150 |

| | | | | | | | | | |
|-----------------------|---|--------------------|-----------------------|---|------------|-----------|------------|-----------|---------------|
| 2 | Tả Thương-Dương Đức | | Lạng Giang | Bổ sung cột chỉ giới bảo vệ đê | 67 | cột | | | 50 |
| 3 | Hữu Thương | | Tân Yên, TP Bắc Giang | Bổ sung cột chỉ giới bảo vệ đê | 362 | cột | | | 250 |
| 4 | Tả Cầu | | Hiệp Hoà, TX Việt Yên | Bổ sung cột chỉ giới bảo vệ đê | 666 | cột | | | 450 |
| 5 | Hữu Lục Nam | | Lục Nam | Bổ sung cột chỉ giới bảo vệ đê | 218 | cột | | | 150 |
| B | Duy tu sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2024: | | | | 300 | 30 | 750 | 17 | 4.400 |
| 1 | Duy tu, cải tạo, sửa chữa kênh chính sông Cầu | Từ K28+300-K28+600 | huyện Tân Yên | Tu sửa mái kênh bị sạt lở (bờ phải, bờ trái); Kè gia cố mái kênh bằng bê tông đúc sẵn ngàm âm dương, trong hệ thống khung dầm bê tông cốt thép và xây dựng hệ thống lan can đảm bảo an toàn | 300 | 30 | 750 | 17,0 | 4.400 |
| Tổng cộng A+B: | | | | | | | | | 16.200 |